

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Đ

TỈNH G

Bản án số: 33/2021/DS-ST

Ngày: 23/8/2020

“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu T**

Ông **Lê Văn D**

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị B** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 223/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-DS ngày 16/7/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng NN.** Địa chỉ: 02 LH, quận B, H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng NN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Anh T** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G. Địa chỉ: 199 N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Ông T ủy quyền cho ông **Nguyễn Tấn D** - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện Đ Đông G tham gia tố tụng. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn H**, sinh năm 1967 và bà **Ngô Thị G**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện Đ, G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện Đ, G. Vắng mặt.

2. Anh **Huỳnh Tấn D**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn 1, xã HY, huyện Đ, G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng NN trình bày:

Ngày 24/04/2019, ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G có vay tiền của Ngân hàng NN số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỉ đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 5012LAV201901287 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 5012LAV201901287 ngày 24/4/2019. Số: 01/PLHĐ; Mục đích vay vốn: Cải tạo hệ thống tưới, máy xay cà phê, sửa kho, làm sân, tường rào; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 12%/năm; Thời hạn vay 36 tháng. Để đảm bảo khoản nợ vay này, bị đơn đã thế chấp các tài sản là Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1783/HĐTC ngày 16/4/2018.

Sau khi vay, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo như các hợp đồng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và gửi văn bản yêu cầu trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam số tiền còn nợ tổng cộng là tổng cộng là 1.203.012.054 đồng. Trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.087.671 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.924.383 đồng. Trường hợp ông H và bà G không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn trong thời hạn nêu trên, nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1783/HĐTC ngày 16/4/2018 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Tấn D và chị Huỳnh Thị L đến tham gia tố tụng nhưng ông H, bà G, anh D và chị L không có mặt vì vậy hồ sơ vụ án không có lời trình bày của ông H, bà G, anh D và chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.203.012.054 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện trả nợ được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Tấn D và chị Huỳnh Thị L nhưng ông H, bà G, anh D và chị L không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà G, anh D và chị L.

[2] Về nội dung: Ngày 24/4/2019, ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G ký kết Hợp đồng tín dụng số 5012LAV201901287 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 5012LAV201901287 ngày 24/4/2019. Số: 01/PLHĐ để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỉ đồng) của Ngân hàng NN; Mục đích vay vốn: Cải tạo hệ thống tưới, máy xay cà phê, sửa kho, làm sân, tường rào; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là: 12%/năm; Thời hạn vay là 36 tháng.

Để đảm bảo khoản nợ vay này, đã thế chấp các tài sản là Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1783/HĐTC ngày 16/4/2018. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Tấn D và chị Huỳnh Thị L đã ký hợp đồng ủy quyền đồng ý với việc thế chấp tài sản cũng như đồng ý việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông H và bà G không trả được nợ của bên cho vay để thu hồi nợ.

Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Sau khi vay, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo như các hợp đồng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và gửi văn bản yêu cầu trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn nợ tổng cộng là 1.203.012.054 đồng (*Một tỉ hai trăm lẻ ba triệu không trăm mười hai ngàn không trăm năm mươi bốn đồng*). Trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.087.671 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.924.383 đồng. Trường hợp ông và bà G không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn trong thời hạn nêu trên, nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1783/HĐTC ngày 16/4/2018 để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ nên buộc ông H và bà G phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN.

Buộc ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G phải trả cho Ngân hàng NN tổng số tiền 1.203.012.054 đồng (*Một tỉ hai trăm lẻ ba triệu không trăm mười hai ngàn không trăm năm mươi bốn đồng*). Trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 200.087.671 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.924.383 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1783/HĐTC ngày 16/4/2018 để thu hồi nợ. Cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 35 có địa chỉ tại thôn 1, xã HY, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 970127 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/11/2003 cho hộ ông Huỳnh Tấn H.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Buộc bị đơn ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G phải trả lại cho Ngân hàng NN số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Về án phí:

- Buộc ông Huỳnh Tấn H và bà Ngô Thị G phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 48.090.362 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi ngàn ba trăm sáu mươi hai đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 22.715.753 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009613 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện Đak Đoa
- Chi cục THADS Đak Đoa
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H